

CÔNG TY CỔ PHẦN POON KAM VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN POON KAM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: POON KAM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: POON KAM., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108493978

3. Ngày thành lập: 31/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 50 ngõ 146 Đường 19/5, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
9.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
10.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
13.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
14.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
15.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
16.	Bốc xếp hàng hóa	5224

17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
18.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu	6190
19.	Quảng cáo	7310
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
22.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
23.	Đại lý du lịch	7911
24.	Điều hành tua du lịch	7912
25.	In ấn	1811
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320(Chính)
29.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
30.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
31.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
33.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
34.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
35.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
36.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
41.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
42.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động đấu giá)	6820

43.	Xây dựng công trình điện	4221
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
45.	Phá dỡ	4311
46.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Dịch vụ đóng gói	8292
49.	Xây dựng công trình thủy	4291
50.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
58.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
59.	Cho thuê xe có động cơ	7710
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
62.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
65.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
66.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
69.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
70.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
71.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
72.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

73.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
74.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
75.	Lập trình máy vi tính	6201
76.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
79.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
80.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
81.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
82.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÀM THANH BÌNH	Số 05 Khu 5, Thị trấn Phù Yên, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	050741834	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		
2	PHAN THỊ NGỌC BÍCH	CH D20B7-6 CC Mulberry Lane, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	45,000	014179000074	
			Tổng số	90.000	900.000.000	45,000		
3	PHAN VĂN TÀO	Thôn Vòng, Xã Phú Nhuận, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	35,000	121987642	
			Tổng số	70.000	700.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

Thời gian đăng từ ngày 31/10/2018 đến ngày 30/11/2018

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CẨM THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/05/1993

Dân tộc: Thái

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 050741834

Ngày cấp: 05/06/2008

Nơi cấp: Công an Tỉnh Sơn La

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 05 Khu 5, Thị trấn Phù Yên, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 50 ngõ 146 Đường 19/5, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội